

ĐÔ THỊ DI SẢN THIÊN NIÊN KỶ – SỰ PHÁT TRIỂN TIẾP NỐI: NHÌN TỪ TRƯỜNG HỢP TỈNH NINH BÌNH

Nguyễn Hồng Thục *

Ngày nhận bài: 18 tháng 4 năm 2025

Ngày nhận bài sửa: 18 tháng 12 năm 2025; Ngày duyệt đăng: 19 tháng 12 năm 2025

TÓM TẮT

Bài viết đề xuất cách tiếp cận mới về đô thị di sản trong thế kỷ XXI, dựa trên khung lý thuyết Hệ sinh thái thiên niên kỷ (Millennium Ecosystem Approach). Từ thực tiễn di sản hỗn hợp văn hóa – thiên nhiên Tràng An – Hoa Lư, nghiên cứu xác lập khái niệm “Đô thị di sản thiên niên kỷ” như một mô hình phát triển tiếp nối giữa tự nhiên, văn hóa và con người. Bài viết chỉ ra rằng di sản không chỉ là đối tượng cần bảo tồn, mà còn là nguồn lực chủ động trong cấu trúc phát triển bền vững, kinh tế sáng tạo và kinh tế trí thức. Qua đó, Hoa Lư được nhìn nhận như một không gian cộng sinh giữa di sản và đô thị đương đại, mở ra hướng đi mới cho các đô thị châu Á trong bối cảnh hậu công nghiệp và chuyển đổi số.

Từ khóa: đô thị di sản thiên niên kỷ; hệ sinh thái thiên niên kỷ; Hoa Lư, Ninh Bình; phát triển tiếp nối; kinh tế di sản; kinh tế sáng tạo.

MILLENNIAL HERITAGE CITY AND THE CONTINUITY OF DEVELOPMENT: INSIGHTS FROM THE CASE OF NINH BINH PROVINCE

Nguyen Hong Thuc

Received: April 18, 2025

Revised: December 18, 2025; Accepted: December 19, 2025

ABSTRACT

The paper proposes a new approach to heritage cities in the 21st century, grounded in the Millennium Ecosystem Approach. Drawing from the hybrid cultural–natural heritage of Trang An – Hoa Lu, the study introduces the concept of a Millennial Heritage City as a model of continuous development between nature, culture, and human settlement. It argues that heritage should not be seen merely as an object of preservation but as an active resource for sustainable development, creative economy, and knowledge-based growth. In this sense, Hoa Lu emerges as a living symbiosis between heritage and contemporary urbanity, suggesting a new paradigm for Asian cities in the post-industrial and digital transformation era.

Keywords: millennial heritage city; millennium ecosystem approach; Hoa Lu, Ninh Binh; continuity in development; heritage economy; creative economy.

* Viện Nghiên cứu định cư và Năng lượng bền vững
Email: hongthuc1954@gmail.com

“Di sản thiên nhiên và văn hóa thuộc về mọi con người. Mỗi chúng ta có quyền và trách nhiệm phải hiểu, thưởng thức và bảo vệ giá trị toàn cầu của nó”

Trích lời mở đầu Công ước quốc tế về Du lịch văn hóa, ICOMOS (1999)

1. MỞ ĐẦU

Những biến động sâu rộng của thế giới đương đại, từ khủng hoảng môi trường, tốc độ đô thị hóa chưa từng có, đến sự đứt gãy các tầng di sản văn hóa, đang đặt nhân loại trước một thử thách mới về tư duy phát triển. Câu hỏi đặt ra không chỉ là làm thế nào để bảo tồn, mà là làm thế nào để di sản tiếp tục sống, cùng tham dự vào tiến trình kiến tạo tương lai bền vững. Từ trường hợp Hoa Lư, bài viết mở ra viễn tượng về một mô hình đô thị mới – đô thị di sản thiên nhiên kỷ, mà ở đó di sản trở thành nền tảng cho kinh tế tri thức và công nghiệp văn hóa, nơi quá khứ và hiện tại cùng kiến tạo tương lai.

Cơ sở cho việc xác lập đô thị di sản thiên nhiên kỷ đến từ cách tiếp cận Hệ sinh thái thiên nhiên kỷ (Millennium Ecosystem Approach) (Reid, W. V. et al, 2005). Tổ chức “Đánh giá Hệ sinh thái thiên nhiên kỷ” (Millennium Assessment – MA) được Tổng thư ký Liên hợp quốc Kofi Annan kêu gọi vào năm 2000 trong báo cáo của ông gửi Đại hội đồng Liên hợp quốc “Chúng ta là các dân tộc”: Vai trò của Liên hợp quốc trong thế kỷ 21. Các chính phủ sau đó đã ủng hộ việc thiết lập Đánh giá thông qua các quyết định được đưa ra bởi ba công ước quốc tế và MA được khởi xướng vào năm 2001. MA được thực hiện dưới sự bảo trợ của Liên hợp quốc, được điều hành bởi một Hội đồng gồm nhiều bên liên quan bao gồm đại diện của các tổ chức quốc tế, chính phủ, doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ và người dân bản địa. Mục tiêu của MA là đánh giá sự thay đổi Hệ sinh thái thiên nhiên kỷ (thiên nhiên và văn hóa)

đối với tương lai loài người và thiết lập cơ sở khoa học cho các hành động cần thiết nhằm tăng cường bảo tồn và sử dụng bền vững hệ sinh thái thiên nhiên và văn hóa như một di sản quan trọng nhất đối với phát triển loài người.

Như vậy Hệ sinh thái (HST) thiên nhiên kỷ gồm Hệ sinh thái thiên nhiên và Hệ sinh thái văn hóa – định cư liên tục và tồn tại nhiều thiên niên kỷ (hàng chục ngàn năm như trường hợp Hoa Lư), được các nhà khoa học hàng đầu quốc tế nghiên cứu, biểu hiện các nội dung cốt lõi của chúng thông qua đánh giá *Dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên* (cung cấp, điều tiết và hỗ trợ) ‘*cộng sinh*’ với *Dịch vụ hệ sinh thái di sản* (Văn hóa thẩm mỹ, tinh thần, giải trí...), tiến tới thiết lập các *Chuỗi giá trị Du lịch di sản văn hóa và Công nghiệp văn hóa* thời kỳ hậu hiện đại, để ‘*cùng sản xuất*’ các giá trị văn hóa lịch sử đương đại và các giá trị phát triển tiếp nối (từ nhận thức và hành động) để bảo tồn và phát triển loài người trong tương lai.

Tại Việt Nam, Di sản Văn hóa & Thiên nhiên thế giới Tràng An – Ninh Bình là một Di sản thế giới hỗn hợp, đáp ứng *tổng hòa (synthesis)* các nội dung cốt lõi của HST di sản thiên nhiên kỷ, đủ nền tảng và giá trị khoa học để phát triển tiếp nối HST di sản thiên nhiên kỷ Tràng An – Hoa Lư vào tổ chức đô thị và đời sống đương đại. Đặc biệt hơn, di sản Cố đô Hoa Lư khi được công nhận di sản thế giới đã đóng “vai trò to lớn và ý nghĩa chủ quyền, bản sắc văn hóa đối với quốc gia, mang đến cảm giác tự tôn dân tộc, thúc đẩy chủ quyền quốc gia” (Wright, 1985).



Hình 1: Sơ đồ quan hệ tổng hòa (Synthesis) của Dịch vụ HST Tự nhiên và HST Văn hóa – định cư truyền thống
 Nguồn: *Đánh giá hệ sinh thái thiên niên kỷ (2025)*

2. CƠ SỞ PHÁP LÝ QUỐC TẾ VỀ ĐẶC THÙ DI SẢN ĐÔ THỊ CỦA CHÂU Á

2.1. Nghị định thư Hội An

Hội nghị Quốc tế về “Bảo tồn các địa điểm di sản văn hoá và Hợp tác quốc tế” được tổ chức tại Hội An vào tháng 9 năm 2003. Tại đây, hàng trăm chuyên gia, nhà quản lý đã chia sẻ kinh nghiệm quốc tế và đã thống nhất 6 nguyên tắc đầu tiên về bảo tồn các khu phố cổ lịch sử châu Á với Nghị định thư Hội An:

– *Bảo tồn các khu phố lịch sử châu Á* – Như Cố đô Hoa Lư và di sản định cư truyền thống trong quần thể di sản thế giới Tràng An là một điển hình.

– *Sự tham gia cộng đồng* trong việc bảo tồn các Cố đô lịch sử và khu phố lịch sử.

– *Cân bằng giữa phát triển du lịch và bảo tồn di sản văn hoá.*

– *Đối phó với các nguy cơ tác động di sản bằng cách Lập quy hoạch bảo tồn di sản*

– *Bảo tồn di sản kiến trúc truyền thống* tại các khu phố và đô thị lịch sử.

– *Cơ chế thực hiện: củng cố các cấp chính quyền, chuyên môn và hợp tác quốc tế.*

2.2. Nghị định thư về Cảnh quan đô thị lịch sử

Phương pháp tiếp cận Cảnh quan đô thị lịch sử (HUL) gồm 05 nguyên tắc, được UNESCO chính thức thông qua vào năm 2011 tại Hà Nội, là sự phát triển đáng kể trong lĩnh vực quản lý di sản trước áp lực ngày càng tăng của toàn cầu hóa, đô thị hóa và biến đổi khí hậu. Cảnh quan đô thị lịch sử đã trở thành điểm tựa pháp lý quốc tế để bảo tồn đô thị lịch sử Cố đô Hoa Lư và Di sản cảnh quan văn hóa – lịch sử Hoa Lư:

– *Hiểu biết đầy đủ về Di sản đô thị:* Các khu vực đô thị lịch sử là các thực thể động bao gồm nhiều lớp giá trị văn hóa, tự nhiên và kinh tế xã hội. Do vậy, cảnh quan đô thị lịch sử không tĩnh tại mà phát triển theo thời gian,

được định hình bởi hoạt động của con người và không gian lịch sử bao chứa.

– *Tích hợp các chính sách phát triển đô thị vào khuôn khổ quy hoạch và phát triển đô thị.* Nó liên kết bảo tồn di sản với các mục tiêu kinh tế, môi trường và xã hội rộng hơn, đảm bảo rằng tăng trưởng đô thị tôn trọng và nâng cao giá trị di sản văn hóa.

– *Quản trị lấy cộng đồng làm trung tâm:* Ưu tiên sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương với tư cách chủ thể, phản ánh nguyện vọng của những người sống và làm việc trong khu vực di sản.

– *Tính bền vững và khả năng phục hồi:* Thúc đẩy tính bền vững và khả năng phục hồi trong quản lý di sản, bao gồm việc điều chỉnh các di sản theo mục đích sử dụng hiện đại, phúc lợi lâu dài của cộng đồng đô thị và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu

– *Hợp tác đa ngành:* Bao gồm quy hoạch đô thị, kiến trúc, kinh tế, xã hội học và môi trường. Nó cũng ủng hộ việc sử dụng các công cụ và công nghệ tiên tiến để hỗ trợ việc ra quyết định dựa trên dữ liệu.

Phương pháp tiếp cận HUL chuyển việc quản lý các địa điểm riêng lẻ sang cảnh quan đô thị rộng lớn, giải quyết các thách thức đô thị hóa và bất bình đẳng kinh tế xã hội. Nó cân bằng các giá trị di sản toàn cầu với nhu cầu của cộng đồng địa phương, tăng cường sự kết nối và tính hợp pháp của các nỗ lực bảo tồn bằng cách tích hợp di sản với các mục tiêu kinh tế: du lịch, công nghiệp văn hóa, phục hồi đô thị lịch sử, hỗ trợ sinh kế của người dân địa phương trong khi vẫn bảo tồn được tính toàn vẹn của văn hóa, như trường hợp của Hoa Lư.

2.3. Sự tham gia của các đô thị di sản vào mạng lưới toàn cầu

Đây là những cơ sở pháp lý quan trọng có tính đến đặc thù của các nước châu Á, thúc đẩy sự tham gia ba Mạng lưới quan trọng

toàn cầu của các đô thị di sản ở Việt Nam, trong đó có Hoa Lư:

- *Mạng lưới Thành phố di sản*
- *Mạng lưới Thành phố sáng tạo*
- *Mạng lưới Học tập toàn cầu*

3. GIÁ TRỊ CỦA HỆ SINH THÁI DI SẢN THIÊN NIÊN KỶ

3.1. Xây dựng nhận thức về hệ sinh thái di sản thiên niên kỷ

3.1.1. Nhận thức mới về hệ sinh thái di sản thiên niên kỷ

Đầu tiên, *Di sản* là *giá trị vô giá* để hấp dẫn và trở thành điểm đến toàn cầu, hay là một địa điểm đại diện của cộng đồng địa phương như một thương hiệu duy nhất (Svensson, 2010). Di sản đang được đưa vào Chiến lược phát triển như một động lực Văn hóa–Xã hội–Kinh tế (Là cơ hội Hậu hiện đại) thông qua mô hình phát triển, địa điểm di sản hoặc Thành phố di sản của hệ thống kinh tế sáng tạo dành cho phát triển bền vững (Tukker et al., 2008).

Hệ sinh thái thiên niên kỷ (Villem, 1974) là một di sản thiên nhiên đặc biệt do các yếu tố vật chất trái đất và sinh quyển hình thành trong quá trình kiến tạo trái đất, tạo thành một hệ thống sinh thái tự nhiên ổn định, cho một tổ chức Hệ sinh thái phức hợp năng động của các quần xã thực vật, động vật và môi trường đặc thù tương tác với nhau như một đơn vị chức năng và phát triển trong hệ thống (RAE, 2014). Từ những hệ sinh thái tự nhiên hàng vạn năm như Núi – Sông – Rừng và cảnh quan môi trường quần cư đặc thù tồn tại hàng ngàn năm sẽ hình thành các mô hình di sản hỗn hợp *Thiên nhiên – Văn hóa* được công nhận Di sản thế giới hỗn hợp. Trên thế giới chỉ có 40 Di sản thế giới thiên niên kỷ hỗn hợp ‘kép’, và chỉ có 3 di sản có điều kiện tương đồng Thiên nhiên – Thành cổ

như trường hợp Di sản thế giới văn hóa – tự nhiên Tràng An – Cố đô Hoa Lư.

Hệ sinh thái di sản thiên nhiên kỷ (Wright, 1998) là một hệ thống hoàn chỉnh do con người tạo ra, duy trì và phát triển trên cơ sở thích ứng lâu dài và liên tục với các quy luật khách quan của HST thiên nhiên kỷ (*Môi trường sinh thái tự nhiên*) bao chứa nó. HST di sản thiên nhiên kỷ là một tập hợp các nhóm di sản vật thể & phi vật thể, có cấu trúc hay tổ chức rõ ràng, được điều chỉnh bởi các quy tắc vận hành chung, tương tác và phụ thuộc lẫn nhau, là đại diện cho các dạng thức đặc trưng của *môi trường sinh thái tự nhiên và nhân văn tồn tại thiên nhiên kỷ*, duy nhất thuộc một tộc người, một cộng đồng hay quốc gia. Các thành tố bao gồm: Di sản tự nhiên thiên nhiên kỷ, di sản định cư thiên nhiên kỷ, các di tích khảo cổ, di tích lịch sử, bản sắc văn hoá và tôn giáo, tín ngưỡng có giá trị toàn cầu, đi kèm với nó là các dịch vụ HST di sản tương ứng. Dịch vụ HST di sản – văn hóa mang lại lợi ích to lớn khi khai thác các giá trị *Văn hóa – Thẩm mỹ – Tinh thần – Giải trí* cho phát triển công nghiệp văn hóa và du lịch di sản.

Hệ sinh thái du lịch di sản là một cuộc cách mạng nhận thức loài người đối với di sản, các dự án du lịch, quản lý và sản xuất các sản phẩm du lịch là cơ hội để hồi sinh tự nhiên và văn hóa bằng việc “trao đổi hành động” (Urzalai et al., 2010). Theo mô hình mở này, các chiến lược tăng cường hiệu quả sử dụng bền vững di sản dựa trên sự hợp tác tích cực giữa nhà nước, công ty du lịch và các hộ kinh tế gia đình. Nó cho phép ‘cộng sinh’ với HST di sản thiên nhiên kỷ để thu hút du khách vào quá trình cùng hoạt động bảo tồn và sáng tạo, nhằm tạo ra các địa điểm hấp dẫn và Hồi sinh tự nhiên; Hồi sinh di sản–văn hóa; Tạo động lực cho phát triển các chuỗi giá trị tri thức – sáng tạo – nghệ thuật (Guimont và Lapointe, 2016).

3.1.2. *Mối liên hệ giữa các giá trị của hệ sinh thái di sản thiên nhiên kỷ*

Đối với một Hệ sinh thái di sản thiên nhiên kỷ, các di tích khảo cổ, định cư cổ truyền, bản sắc văn hoá và tôn giáo, tín ngưỡng là rất giá trị, đi kèm với nó là các Dịch vụ hệ sinh thái di sản tương ứng, cần đánh giá các giá trị đại diện và giá trị duy nhất. Các liên hệ giữa các giá trị này mang lại:

Ý nghĩa bản sắc đối với quốc gia, mang đến cảm giác tự tôn dân tộc, thúc đẩy chủ quyền quốc gia (Wright, 1985).

Gắn kết các xã hội với nhau trong các giai đoạn thay đổi và kịch tính (Howard, 1998). Theo Smith (1991), vai trò của bản sắc dân tộc là cung cấp một cộng đồng lịch sử và sứ mệnh mạnh mẽ để bảo vệ nhân dân khỏi sự ép buộc và xây dựng một niềm tin chung.

Du lịch di sản mang ý nghĩa truyền đạt và củng cố bản sắc dân tộc: (Lowenthal, 1998; Bandyopadhyay et al., 2008; Palmer, 1998; Pretes, 2003); củng cố lòng yêu nước (Palmer, 2005); gia tăng đặc điểm quốc gia (Franklin, 2003); mang ý nghĩa thiêng liêng/tín ngưỡng (Smith, 1991);

Duy trì một nền tảng văn hoá cộng đồng, dân tộc và quốc gia (Park, 2010).

Xây dựng chiến lược phát triển do di sản làm trụ cột: Thành phố di sản (thiên nhiên kỷ) – “Nồi cơm” của kinh tế tri thức và kinh tế sáng tạo (cơ hội Hậu hiện đại).

3.1.3. *Di sản định cư truyền thống và các giá trị thiên nhiên kỷ là một nhận thức mới*

Thứ nhất, đó là nhận thức đương đại về các giá trị của Di sản định cư đô thị và nông thôn truyền thống: Các giá trị di sản định cư được coi như một tài nguyên phát triển (Xem hình 2).



Hình 2: Các nội dung đưa vào Đánh giá tài nguyên của Hệ sinh thái di sản thiên nhiên kỷ

Nguồn: <https://nguoidothi.net.vn/lay-noi-com-kinh-te-di-san-cong-sinh-kinh-te-sang-tao-43212.html>

Giá trị địa điểm lịch sử: Di sản định cư có thể liên quan/ chịu ảnh hưởng của môi trường bao chứa như một cơ thể di sản định cư ‘*cộng sinh*’ đặc biệt/ các hoạt động con người trải qua thiên nhiên kỷ làm cho nó có tầm quan trọng về lịch sử, biểu hiện trong văn hóa nhận thức, văn hóa sinh hoạt, văn hóa tổ chức, văn hóa tâm linh/ trở thành những giá trị quốc gia, lòng tự tôn dân tộc. Các giá trị này cần được những chính sách phát triển tốt để bộc lộ các động lực di sản lịch sử thiên nhiên kỷ ở Việt Nam, cần được sự công nhận pháp lý đối với “Di sản định cư thiên nhiên kỷ” như một loại hình đặc biệt của quốc gia và quốc tế.

Các giá trị Văn hóa – Tinh thần mà nó mang lại: Giá trị văn hóa và thẩm mỹ: Các cấu trúc thành cổ, làng xã, bến thuyền, cánh đồng, sông núi... gắn liền với địa điểm di sản thế giới như những chuẩn mực của bố cục và hình thái, văn hóa – xã hội – giáo dục: các giá trị và phẩm chất làm cho địa điểm di sản thế giới thiên nhiên kỷ trở thành biểu tượng về mặt tinh thần, chính trị, cộng đồng dân cư cổ đã

tạo nên các cảm xúc văn hoá/ khai quốc đối với một dân tộc/một địa phương cụ thể. Chính vì vậy mà mang ý nghĩa giáo dục và khát vọng sáng tạo, ca ngợi của thế hệ tương lai.

Giá trị kinh tế, hiệu quả phát huy di sản vào đương đại: Được xác định bởi sự tham dự như một động lực của phát triển mới từ giá trị vô giá của di sản vào đời sống xã hội đương đại. Đặc biệt ý tưởng phát triển khu vực trước đây là thành phố Hoa Lư như một Đô thị di sản thiên nhiên kỷ Hoa Lư là một bước ngoặt nhận thức để thiết kế phát triển. Phát triển như vậy sẽ đưa lại khả năng xây dựng Hạ tầng kinh tế đô thị mới, từ Kinh tế di sản, Kinh tế sáng tạo – nghệ thuật và Kinh tế tri thức. Một cách đón đầu các chuỗi giá trị gia tăng cao của cơ hội Hậu hiện đại.

Giá trị khoa học, công nghệ và chuyển đổi số dựa vào di sản định cư: Khi địa điểm Di sản thế giới rộng lớn và vô giá ‘*cộng sinh*’ với Đô thị di sản thiên nhiên kỷ sẽ tạo một cơ hội cho chuyển đổi số trong quản lý di sản và hoạt động du lịch. Kéo theo đó là sự sáng tạo các sản phẩm thủ công truyền thống, ẩm thực, diễn xướng, thời trang, âm nhạc, phim ảnh, thiết kế... đều liên quan đến hạ tầng công nghệ ‘*thực tại ảo*’ (VR). Giá trị tạo động lực sáng tạo nghệ thuật, khoa học, kỹ thuật và các thành tựu có tiềm năng để giáo dục, minh họa và cung cấp cho các lĩnh vực diễn giải và tiếp nối di sản sẽ tạo ra nhiều ngành nghiên cứu khoa học, nghệ thuật sâu hơn.

Các dạng thức của định cư truyền thống đã tạo ra các thực thể không gian – văn hóa – kinh tế, xã hội – nhân văn đặc thù, có giá trị đại diện cho quốc gia, vùng hoặc cộng đồng dân cư bản địa. Chúng được hình thành trong quá trình tiến hóa, tiếp nối các thế hệ và các giai đoạn lịch sử, gắn chặt quá khứ và hiện tại, được coi như một di sản sống động, luôn biến đổi theo nhu cầu mới của thời đại, cần được bảo tồn và phát huy trong

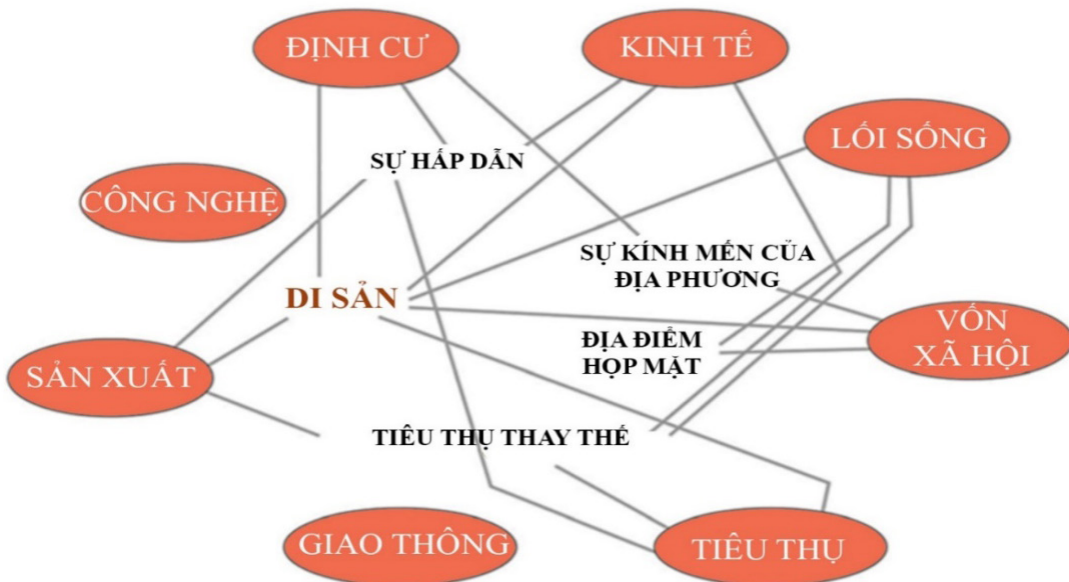
các Chiến lược phát triển đô thị và nông thôn hiện đại. Chúng cần được duy trì, cải tạo trong sự phát triển tiếp nối liên tục của mỗi chặng đường phát triển.

Thứ hai, di sản định cư thiên nhiên kỳ cần kết nối Hạ tầng kinh tế sáng tạo. Đây là một loại hình tương đối mới trong di sản, di sản định cư cần có một sự ứng xử tổng hợp hơn. Chính vì vậy, khi đưa vào phát triển các dạng đô thị di sản, cần liên ngành và đa lĩnh vực tạo mô hình mới cho kinh tế di sản có sự tham gia rộng rãi. Loại hình này có thể dễ dàng liên kết với các ngành, đặc biệt là ngành dịch vụ và du lịch di sản, tạo nên nền kinh tế di sản. Mô hình này có thể được áp dụng thông qua việc lập *quy hoạch bảo tồn và khai thác di sản bền vững cho phát triển, gắn với các loại hình dịch vụ di sản đi cùng* (Trường hợp Ninh Bình) (Tengberg et al., 2012) – Xem hình 3.

3.2. Di sản và sự phát triển tiếp nối

3.2.1. Phát triển dựa trên nền tảng tiếp nối các giá trị di sản

Các giá trị vật thể và phi vật thể của các cấu trúc định cư đô thị và nông thôn truyền thống được phát triển tiếp nối là cách phát triển mở và trường tồn. Ví như Kinh đô Thăng Long tiếp nối Cố đô Hoa Lư về vai trò chính trị và đồng thời tiếp nối cả vai trò trung tâm giao thương của Hoa Lư cổ vào Kẻ Chợ – Phố hàng sầm uất. Phát triển tiếp nối như trường hợp của Cố đô Hoa Lư là quá trình phát triển đảm bảo tính liên tục trong gần 30 ngàn năm cho đời sống định cư con người nơi đây. Các cấu trúc di sản và các cấu trúc định cư đô thị và nông thôn truyền thống luôn được truyền dẫn và tiếp nối phát triển trong lịch sử, nó được đánh giá là cách phát triển khôn ngoan nhất trong lịch sử tồn tại loài người.



Hình 3: Thiết lập Hệ thống hạ tầng cho kinh tế sáng tạo và phát triển bền vững, gắn với Du lịch di sản và các khả năng phát huy của di sản

Nguồn: <https://nguoidothi.net.vn/lay-noi-com-kinh-te-di-san-cong-sinh-kinh-te-sang-tao-43212.html>

Phát triển tiếp nối là quá trình phát triển không tạo ra sự gián đoạn, đảm bảo tính liên tục không ngừng của các hoạt động (đời sống và định cư con người) trong quá trình lịch sử. Các dạng thức của định cư truyền thống đã tạo ra các thực thể không gian – văn hóa – kinh tế, xã hội – nhân văn đặc thù, có giá trị đại diện cho quốc gia, vùng hoặc cộng đồng dân cư bản địa, dần dần trở thành ký ức, quỹ gene văn hóa, thành di sản vô giá của các dân tộc. Chúng được hình thành trong quá trình tiến hóa, tiếp nối các thế hệ và các giai đoạn lịch sử, gắn chặt quá khứ và hiện tại, được coi như một di sản sống động, luôn biến đổi theo nhu cầu mới của thời đại, cần được bảo tồn và phát huy trong các chiến lược phát triển đô thị và nông thôn hiện đại. Chúng cần được duy trì, cải tạo trong sự phát triển tiếp nối liên tục của mỗi chặng đường phát triển, đặc biệt trong giai đoạn đô thị hóa và hiện đại hóa trong kỷ nguyên số hiện nay.

3.2.2. Tiếp nối các giá trị của Di sản Thiên nhiên – Văn hóa – Định cư liên tục nhiều thiên niên kỷ (Môi trường sinh thái quần cư Thành cổ – Đô thị cổ – Làng xã truyền thống của Hoa Lư) vào Phát triển đương đại

Tiếp nối ngay trên địa điểm Di sản lịch sử: Di sản định cư có thể liên quan/chịu ảnh hưởng của môi trường bao chứa. Ví dụ, Cố đô Hoa Lư và Thắng cảnh thiên nhiên Tràng An – cơ thể hữu cơ của di sản định cư cổ ‘cộng sinh’ thiên nhiên và tri thức, sản vật bản địa của nó. Rất đặc biệt, di sản định cư/thích nghi tự nhiên/hoạt động con người, trải qua thiên niên kỷ làm cho nó có tầm quan trọng về lịch sử, biểu hiện trong văn hóa nhận thức, văn hóa sinh hoạt, văn hóa tổ chức, văn hóa tâm linh để trở thành những giá trị quốc gia, tự tôn dân tộc và vùng đất.

Các giá trị tiếp nối như vậy cần được những chính sách phát triển thích hợp, chiến lược và chương trình hành động cụ thể, để bộc lộ chúng như động lực di sản, từ lịch sử thiên niên kỷ, không gian di sản mà nó đại diện, là duy nhất dẫn dắt sự phát triển của Đô thị di sản thiên niên kỷ đương đại.

Như vậy, cần thiết phải có được sự công nhận pháp lý đối với “Di sản định cư thiên niên kỷ” như một loại hình đặc biệt của quốc gia và quốc tế.

Tiếp nối các giá trị Văn hóa – Tinh thần mà nó mang lại:

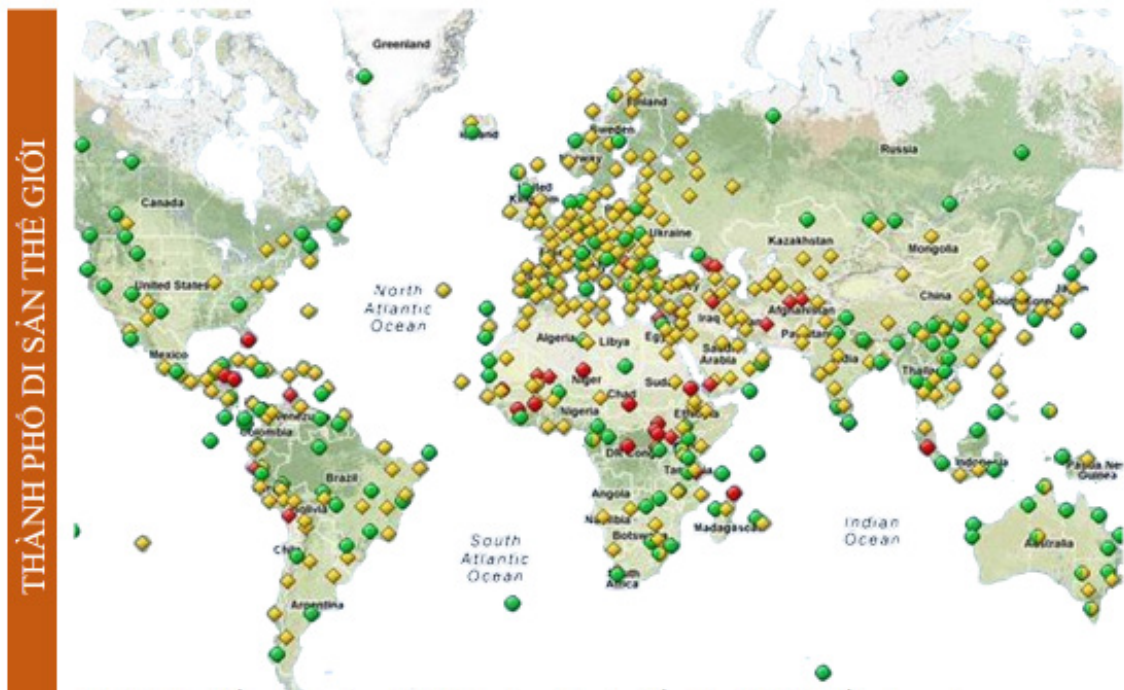
- Giá trị văn hóa và thẩm mỹ: Các cấu trúc Thành cổ, làng xã, bến thuyền, cánh đồng, sông núi... gắn liền với địa điểm di sản thế giới Tràng An như những chuẩn mực của bố cục và hình thái.
- Giá trị văn hóa – xã hội – giáo dục: các giá trị và phẩm chất làm cho địa điểm di sản thế giới thiên niên kỷ trở thành biểu tượng về mặt tinh thần, chính trị, cộng đồng dân cư cổ đã tạo nên các cảm xúc văn hoá/khai quốc đối với một dân tộc/một địa phương cụ thể. Chính vì vậy mà mang ý nghĩa giáo dục và khát vọng sáng tạo, ca ngợi của thế hệ tương lai.

*Tiếp nối các giá trị kinh tế, hiệu quả phát huy di sản vào đương đại: Phát triển tiếp nối kinh tế di sản được xác định bởi sự tham dự như một động lực của phát triển mới, từ giá trị vô giá của di sản vào đời sống xã hội đương đại. Đặc biệt, ý tưởng phát triển Đô thị di sản thiên niên kỷ, là một bước ngoặt nhận thức để thiết kế phát triển. Phát triển như vậy sẽ đưa lại khả năng xây dựng *Hạ tầng kinh tế đô thị mới, từ Kinh tế di sản, Kinh tế sáng tạo – nghệ thuật và Kinh tế tri thức*. Đây là một cách đón đầu các chuỗi giá trị gia tăng cao của cơ hội Hậu hiện đại. Đô thị thiên niên kỷ sẽ đem lại nguồn thu từ du*

lịch di sản (đã có tới lượng du khách 7–10 triệu người/năm tại Việt Nam) và khả năng tích tụ dân cư chất lượng cao, các nguồn tài nguyên từ sản xuất sản phẩm truyền thống, ẩm thực dân gian, vui chơi giải trí... Đặc biệt đến năm 2024, khi Siêu đô thị Hà Nội dự tính tăng tới 12 triệu người thì nhu cầu tham quan, nghỉ dưỡng, khám phá (thậm chí trốn chạy khỏi môi trường ô nhiễm) là vô cùng lớn đối với Tràng An, khi mà nơi này chỉ cách Hà Nội 90 km đường cao tốc. Ngoài ra còn có các hiệu quả phi vật thể như tạo hạ tầng kinh tế tri thức, các trường đại học, viện nghiên cứu và các hoạt động diễn giải, tiếp nối di sản từ các cộng đồng bản địa.

Tiếp nối trong bối cảnh phát triển đô thị, khoa học, công nghệ và chuyển đổi số.

Khi địa điểm Di sản thế giới rộng lớn và vô giá Tràng An, Thăng Long ‘cộng sinh’ với Đô thị di sản thiên niên kỷ sẽ tạo một cơ hội cho chuyển đổi số trong quản lý di sản và hoạt động du lịch; kéo theo đó là sự sáng tạo các sản phẩm thủ công truyền thống, ẩm thực, diễn xướng, thời trang, âm nhạc, phim ảnh, thiết kế... đều liên quan hạ tầng công nghệ ‘thế giới ảo’. Đô thị di sản thiên niên kỷ lại có cơ hội chuyển mình sang thành phố thông minh – tri thức – dịch vụ di sản hàng đầu Việt Nam và châu Á. Giá trị di sản sẽ tạo động lực sáng tạo nghệ thuật, khoa học, kỹ thuật và các thành tựu có tiềm năng để giáo dục, minh họa và cung cấp cho các lĩnh vực diễn giải và tiếp nối di sản, sẽ tạo ra nhiều ngành nghiên cứu khoa học, nghệ thuật đi vào chiều sâu.



Hình 4: Địa điểm di sản được UNESCO công nhận cho đến năm 2011

Nguồn: <https://nguoidothi.net.vn/lay-noi-com-kinh-te-di-san-cong-sinh-kinh-te-sang-tao-43212.html>

3.3. Đô thị di sản thiên nhiên kỷ như một động lực phát triển tương lai

3.3.1. Thành phố Di sản thế giới

Tính đến năm 2023, có tất cả 1172 di sản được công nhận, trong đó có 901 di sản về văn hóa, 231 di sản về thiên nhiên và 40 di sản hỗn hợp văn hóa–thiên nhiên. Trong đó có đến 832 khu vực định cư đô thị có di sản thế giới như là Thành cổ, thị trấn và làng mạc, hay một công trình, một cụm công trình, một khu vực thay vì chỉ là các thành phố lớn như trước đây. Do những thay đổi về chức năng, bối cảnh, di sản mở rộng các đối tượng có liên quan và các yêu cầu bổ sung về môi trường, kinh tế – xã hội, văn hoá. Quản lý di sản trở nên toàn diện hơn, mang ý nghĩa văn hoá – Giá trị gắn với di sản: sự tồn tại nguyên vẹn, giá trị kinh tế – xã hội đến giá trị môi trường và văn hoá (Rodgers, 2007).

Trong bối cảnh đô thị hóa toàn cầu, các thành phố đóng vai trò tích cực và là chất xúc tác đối với sự phát triển kinh tế và xã hội, cũng như là đầu mối văn hoá và giải trí như nhà hát, thư viện, bảo tàng và triển lãm, các trung tâm mua sắm, đi bộ, các trường đại học và nghiên cứu (Gympel, 1996). Chính vì vậy, các thành phố di sản đang ngày càng thúc đẩy để trở thành các thành phố sáng tạo (đô thị đương đại hướng đến trong thế kỷ 21 nhằm thúc đẩy nền kinh tế tri thức). Theo UNESCO, đô thị di sản đóng ba vai trò quan trọng, gồm: (1) *Vốn văn hoá, từ sản xuất, tiêu thụ đến phân phối*; (2) *Nơi phát triển của các cluster sáng tạo từ vốn văn hoá*; (3) *Cánh cổng gia nhập thị trường quốc tế*. Văn hoá đóng một vai trò then chốt đối với các đô thị di sản và có thể xem như là một chiến lược tái thiết đô thị. Hơn nữa, ngành công nghiệp sáng tạo mang lại sự bảo đảm kết nối xã hội, đa dạng văn hoá và chất lượng cuộc sống thông qua việc tạo ra ý nghĩa của cộng đồng và lan toả bản sắc địa phương.

Mặt khác, theo Công ước Di sản thế giới, có ba loại di sản văn hoá vật thể được nêu, gồm di tích, cụm công trình và địa điểm di sản hỗn hợp (UNESCO, 2008). Tuy nhiên, các tranh luận gần đây cho thấy rằng cách phân biệt như vậy là không thoả đáng khi xem xét kỹ lưỡng về bản chất và giá trị của các thành phố lịch sử (Van Oers, 2006), khi xét đến quy mô, niên đại và giá trị lịch sử trước đây của các di sản này.

Hiện tại, các nhà di sản học sử dụng “Chỉ dẫn thực hiện của Công ước Di sản thế giới” tại Mục 14, Phụ lục 3, chia ra ba loại “Di sản đô thị và trung tâm đô thị lịch sử”, gồm: (1) Các đô thị không còn dân cư, như các địa điểm Palmyra ở Syria, Angkor ở Campuchia, hoặc Tikal ở Guatemala; (2) Các đô thị lịch sử có dân cư, như Djenné ở Mali, Macau ở Trung Quốc, hay Baku ở Azerbaijan; và (3) Các đô thị mới của thế kỷ 20, như Brasília ở Brazil, Le Havre ở Pháp, hoặc Tel Aviv ở Israel.

Như vậy có thể định nghĩa: Khi nghiên cứu kỹ các địa điểm được cho là một Thành phố di sản thế giới, có thể nhận ra rằng chúng là một phần của các khu định cư đô thị đa dạng với một hoặc nhiều địa điểm di sản thế giới. Như vậy, một thành phố di sản thế giới có quy mô đa dạng, từ một vùng đô thị rộng lớn, một thành phố, hay là một ngôi làng hẻo lánh, và bao chứa một hay nhiều dạng di sản thiên nhiên, văn hoá thế giới khác nhau. Các nghiên cứu gần đây, định nghĩa “Thành phố di sản thế giới” được tách rời khỏi quan điểm chỉ mang tính chất đô thị lịch sử, mà thay vào đó là *tính định cư đô thị*, nơi có một hoặc nhiều di tích di sản thế giới và bảo lưu nhiều hoạt động truyền thống. Có nghĩa là toàn bộ đô thị bao chứa các địa điểm di sản, thay vì chỉ một trung tâm đô thị lịch sử như trong 279 thành phố di sản thế giới trước đây (Rodgers, 2010).

Theo quyết định của Ủy ban Di sản thế giới liên chính phủ, một cơ quan độc lập gồm 21 quốc gia đã thông qua Công ước Di sản thế giới, việc ghi danh vào danh sách Di sản thế giới chỉ là giai đoạn bắt đầu nhằm duy trì các giá trị nổi bật. Các giá trị nổi bật của Thành phố di sản thế giới cần nghiên cứu kỹ lưỡng để xác định, bao gồm:

- Nghiên cứu đặc điểm, ý nghĩa của địa điểm (gồm cả các thách thức), tính toàn vẹn và nguyên trạng của địa điểm (gồm đặc điểm xã hội, chức năng, lịch sử, cấu trúc và thẩm mỹ và hoạt động) và tính xác thực (thông qua nghệ thuật, lịch sử và văn hoá xã hội);
- Nghiên cứu cơ sở kỹ thuật xác định các địa điểm di sản, so sánh với các khu vực văn hoá có liên quan;
- Nghiên cứu chính sách nhằm xác định giá trị nổi bật dựa trên việc so sánh với các địa điểm di sản tương đồng;
- Mô tả về loại hình di sản, di tích mà Thành phố di sản thế giới bao chứa (Loại hình di sản thế giới, thành cổ, khu phố lịch sử, làng xã truyền thống, tượng đài, cụm công trình, địa điểm, đơn lẻ hay nổi tiếp) và ý nghĩa của chúng (chủ đề chính/câu chuyện của di sản)

Cuối cùng là nghiên cứu các tiêu chí đặc trưng cho Thành phố di sản thế giới

3.3.2. Cảnh quan của các đô thị di sản lịch sử thế giới

Nội dung này có thể được áp dụng cho Di sản văn hóa – thiên nhiên thế giới Tràng An và Cố đô Hoa Lư. Đây là một cảnh quan làm nổi bật về tính thiên nhiên kỹ khi cả hai trường hợp: Thiên nhiên và Cố đô đều là những di sản thiên nhiên kỹ thế giới.

Mặc dù luôn là chủ đề được quan tâm, nhưng các di sản thế giới vẫn ngày một bị đe dọa trong những thập kỷ qua vì các quá trình đô thị hoá, thay đổi chính sách, giải pháp xây dựng hiện

đại thiếu tôn trọng chất liệu bản địa và chính sách xây dựng cao tầng gây ảnh hưởng xấu đến cảnh quan của đô thị lịch sử. Sau các cuộc tranh luận về bảo tồn cảnh quan đô thị lịch sử được tổ chức tại Ủy ban Di sản thế giới phiên thứ 29, UNESCO, 2005, một khuyến nghị mới được bổ sung về một quy trình liên quan *Cảnh quan đô thị lịch sử* được hiểu như *một lớp văn hoá lịch sử và tự nhiên* bao trùm lên không gian đô thị. Nó là sự mở rộng của khái niệm “trung tâm đô thị lịch sử” hay “quần thể di sản”, hướng đến quy mô lớn hơn, thể hiện bối cảnh văn hoá lịch sử thiên niên kỷ của nó.

Cảnh quan đó đủ sức làm nền cho phát triển Đô thị lịch sử tích hợp các mục tiêu bảo tồn di sản thế giới hỗn hợp và di sản định cư thiên niên kỷ tại tỉnh Ninh Bình, phát triển đặc thù mà chỉ duy nhất Ninh Bình sở hữu, song hành các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội như một cách tiếp cận bền vững. Cách tiếp cận này coi di sản là nền tảng hấp dẫn du lịch, nhân lực chất lượng cao cho đổi mới sáng tạo, công nghiệp văn hoá và kinh tế tri thức – như một nguồn lực quan trọng cho phát triển bền vững đô thị tại đây. Điều này cho phép ra đời các công cụ quản lý đột phá, thúc đẩy kết hợp hài hoà các can thiệp hiện đại với khu vực di sản này.

3.3.3. Thành phố sáng tạo – nghệ thuật

Mạng lưới các thành phố sáng tạo của UNESCO (UCCN) được thành lập năm 2004 nhằm thúc đẩy hợp tác giữa các thành phố đã xác định sáng tạo là yếu tố chiến lược để phát triển đô thị bền vững. Hiện nay có 246 thành phố trên khắp thế giới đang tạo nên mạng lưới này, cùng nhau hướng tới mục tiêu chung: Đưa sự sáng tạo và công nghiệp văn hóa vào trọng tâm của kế hoạch phát triển ở cấp địa phương và hợp tác tích cực ở cấp quốc gia và quốc tế.

Khi tham gia Mạng lưới các thành phố sáng tạo của UNESCO, các thành phố cam kết

chia sẻ, tạo những điều kiện tốt nhất để thực hành, đổi mới sáng tạo và xây dựng ý thức gắn liền với trách nhiệm, tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ, phát triển hợp tác giữa khu vực công – tư và các tổ chức xã hội nghề nghiệp, nhằm tăng cường sáng tạo, sản xuất, phân phối và truyền bá về các hoạt động, hàng hóa và dịch vụ văn hóa; phát triển các không gian sáng tạo và đổi mới, mở rộng cơ hội cho những người sáng tạo và chuyên gia trong lĩnh vực văn hóa; nâng cao việc tiếp cận và tham gia vào đời sống văn hóa, đặc biệt đối với các nhóm và cá nhân ở thế yếu và dễ bị tổn thương; lồng ghép văn hóa và sáng tạo vào các kế hoạch phát triển bền vững.

Bảy chủ đề được Mạng lưới thành phố sáng tạo của UNESCO đưa ra bao gồm: thành phố văn học, thành phố âm nhạc, thành phố thủ công mỹ nghệ và nghệ thuật dân gian, thành phố thiết kế, thành phố nghệ thuật đa phương tiện và thành phố ẩm thực.

4. TRƯỜNG HỢP ĐÔ THỊ DI SẢN THIÊN NIÊN KỶ HOA LƯ – BỐI CẢNH CỦA CẢNH QUAN DI SẢN VĂN HÓA

4.1. Hình thái không gian của Hoa Lư dựa vào Cảnh quan di sản văn hóa

Thuật ngữ *Cảnh quan di sản văn hóa* lần đầu tiên được nhà lý luận theo thuyết phát triển lãnh thổ, PGS.TS Đoàn Minh Huân đưa ra tại Hội thảo “Lượng hóa giá trị Quần thể danh thắng Tràng An và phát triển thương hiệu của điểm đến di sản thế giới”. Theo ông, mô hình Đô thị di sản thiên niên kỷ là hướng đi, nhằm bảo vệ các giá trị thiên nhiên, đồng thời giải quyết những thách thức về phát triển đô thị, biến đổi khí hậu và môi trường. Xây dựng Hoa Lư theo mô hình đô thị văn hóa – nơi con người sống hòa quyện với di sản và bảo vệ, phát huy giá trị di sản, hướng tới phát triển nền kinh tế xanh, tài nguyên di sản dẫn dắt để tạo ra các ngành công nghiệp

văn hóa sáng tạo, chuỗi các cảnh quan văn hóa đô thị lịch sử: Công viên di sản, công viên giải trí, công viên phim trường và các ngành công nghiệp thể thao...

Với Hoa Lư, việc khẳng định là mô hình đô thị di sản, đô thị cảnh quan văn hóa bảo đảm tính hài hòa giữa kiến trúc nhân tạo với môi trường thiên nhiên, giữa tính hiện đại và bảo tồn giá trị truyền thống (khác hẳn với các mô hình đô thị công nghiệp kiểu “bê tông hóa”). Điều đó cũng trái ngược với các mô hình đô thị hóa thôn tính di sản, xâm hại môi trường, tạo hố ngăn cách phát triển giữa đô thị với nông thôn. Là một mô hình đô thị dung nạp được bản sắc địa phương, lấy tinh hoa là Cố đô Hoa Lư, kiến trúc công trình, văn hóa và lối sống cư dân Hoa Lư thể hiện phong cách đô thị di sản thiên niên kỷ và giàu tiềm năng tiến tới một thành phố sáng tạo.

Hoa Lư hiện đang thúc đẩy tầm nhìn và sáng kiến UNESCO về: Xây dựng triết lý Phụng dưỡng Mẹ Thiên nhiên; mô hình đô thị di sản cảnh quan văn hóa; đổi mới sáng tạo; phát triển công nghệ phục dựng, mô phỏng AI; phát triển các ngành kinh tế sáng tạo làm nền tảng kinh tế.

Đây là những định hướng quan trọng nhằm thiết lập chuỗi các Hành động chiến lược đột phá cho Hoa Lư trở thành Đô thị di sản thiên niên kỷ, lấy Du lịch di sản và Công nghiệp văn hóa làm nền tảng phát triển.

4.2. Hạ tầng kinh tế di sản, kinh tế du lịch, văn hóa của Đô thị di sản thiên niên kỷ Hoa Lư

Theo Mercer (2006), có một “sự thay đổi về văn hoá” đang vượt qua cấu trúc bên trong và thâm nhập vào các hoạt động kinh tế của các thành phố trên toàn thế giới. Trong xã hội hậu công nghiệp, văn hoá đang

trở thành một ưu tiên chiến lược, đặc biệt đối với lĩnh vực du lịch di sản văn hóa và sự hình thành các Thành phố di sản thế giới kết thành mạng lưới toàn cầu đang thúc đẩy Công nghiệp văn hóa sáng tạo. Các giá trị văn hoá và di sản cho phép tạo ra lợi ích kinh tế từ các lợi ích phi kinh tế, chẳng hạn như các yếu tố mang tính biểu tượng và thương hiệu, các truyền thuyết, huyền thoại, truyền thống văn hoá, lối sống, tâm linh đang trở thành nhu cầu chung (Abankina, 2005).

Điềm qua một số kế hoạch về công nghiệp sáng tạo của tỉnh Ninh Bình: 1) Định hình các công trình văn hóa tâm linh thể hiện tầm vóc đô thị di sản Cố đô đầu tiên của Đại Cồ Việt sau một ngàn năm Bắc thuộc, là nơi nuôi dưỡng và phát tích ba trường phái Thiền nổi tiếng (Thảo Đường, Tì ni đa lưu chi, Trúc Lâm): Đàn Kinh Thiền, Đàn Nam Giao cổ, chùa Bái Đính cổ, phục dựng và tu bổ các công trình tín ngưỡng, tôn giáo và các bút tích của danh nhân nhiều đời; 2) Các thiết chế văn hóa biểu tượng mới của thành phố toàn cầu như Quảng trường Đinh Tiên Hoàng, Nhà hát Phạm Thị Trân, Công viên văn hóa Tràng An, Trung tâm tổ chức sự kiện, tượng đài các danh nhân, cầu sông Vân,... 3) Quy hoạch, đầu tư xây dựng Bảo tàng Tổng hợp, Cung triển lãm, Hội chợ, Trung tâm nghệ thuật đương đại, Tháp thiên niên kỷ, Công viên thấp sáng Dục Thúy Sơn, phục dựng, tái hiện Hoàng thành Hoa Lư, các công trình thuộc quần thành như cung điện, lầu đài, phủ đệ, trường thành... tạo nên điểm nhấn của đô thị di sản thiên niên kỷ xứng tầm đô thị di sản Cố đô Hoa Lư.

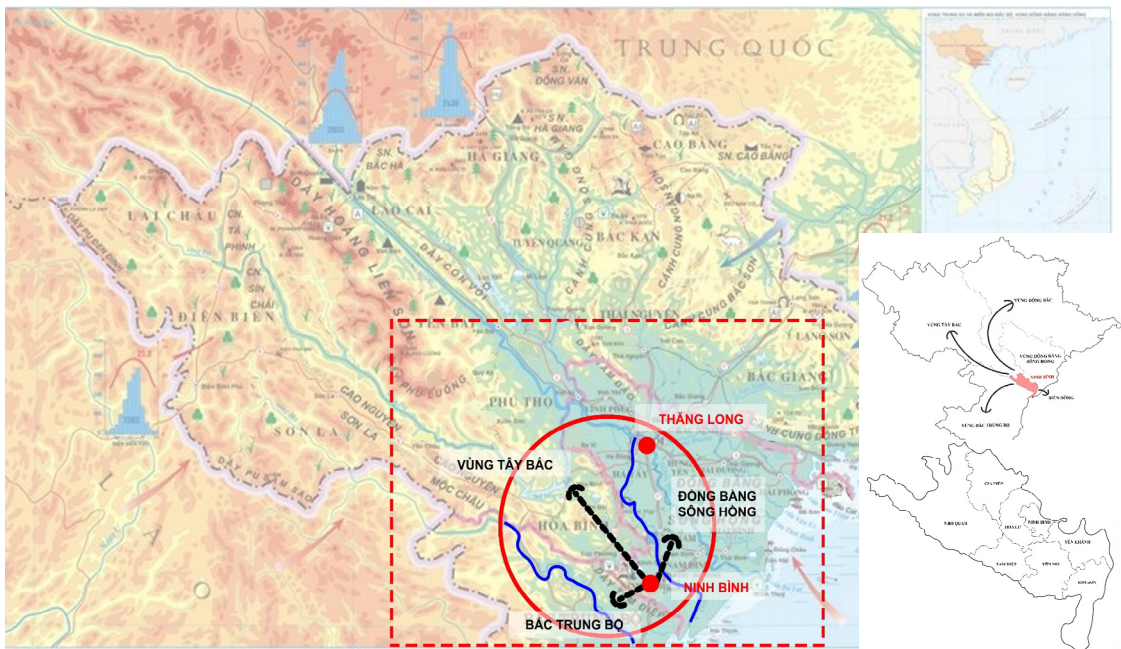
Nên lưu ý đến *xu hướng không gian tích hợp* khi xây dựng các Trung tâm dịch vụ du lịch – Hạ tầng dịch vụ đô thị, không nên dàn trải để đạt hiệu suất đô thị và để đáp ứng yêu cầu phát triển một thành phố mang đặc thù di sản, du lịch, công nghiệp

văn hóa, giải trí, đổi mới sáng tạo: Hệ thống các trường đại học, Công nghiệp giải trí, thể thao, Công nghệ và Hub sáng tạo, khách sạn quốc tế... Đặc biệt, tính kết nối giữa Hệ thống phim trường, học viện bóng đá quốc tế, trung tâm đổi mới sáng tạo quốc tế đang trở thành hiện hữu.

4.3. Hoa Lư bao gồm ba Cấu trúc cốt lõi: ‘Thành phố di sản’ (tứ trấn); ‘Thành phố sáng tạo’ (hành lang kinh tế sáng tạo) và ‘Cảnh quan di sản văn hóa’

Từ kết quả đề án Lượng giá giá trị di sản thế giới Tràng An công bố ngày 6/3/2025 vừa qua, các tổ chức quốc tế và trong nước đã khẳng định: Chính sách bảo tồn di sản như một nền tảng phát triển Hoa Lư theo đặc thù của Đô thị di sản thiên niên kỷ và Thành phố sáng tạo kết nối liên vùng và vùng, tỉnh, đặc biệt Hoa Lư còn là trung tâm du lịch quốc gia và quốc tế. Các mô hình phát triển được khuyến nghị áp dụng cho Ninh Bình: 1) Không gian phát triển Đô thị di sản và Cảnh quan di sản văn hóa thiên niên kỷ; 2) Mô hình di sản dẫn dắt công nghiệp văn hóa sáng tạo trong phát triển kinh tế tương lai; 3) Mô hình du lịch di sản mang tính bản địa bền vững; 4) Mô hình đất ở và đất nông lâm nghiệp cộng sinh với sinh kế và định cư bền vững; 5) Mô hình bảo tồn các Di sản thế giới mang đặc thù châu Á;

Thành phố nằm ở giao điểm “ngã 5” trên các giao lộ chiến lược phía nam đồng bằng sông Hồng bảo đảm giao thương các vùng miền đất nước, từ Hoa Lư kết nối với đô thị lớn, các vùng miền, nhất là các tỉnh phía Bắc. Đây là vị trí đặc địa hiếm có, thuận lợi cho giao thương, tổ chức lãnh thổ, quản trị liên kết vùng, thu hút đầu tư, thực hiện đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hóa, đô thị hoá, kết nối liên vùng.

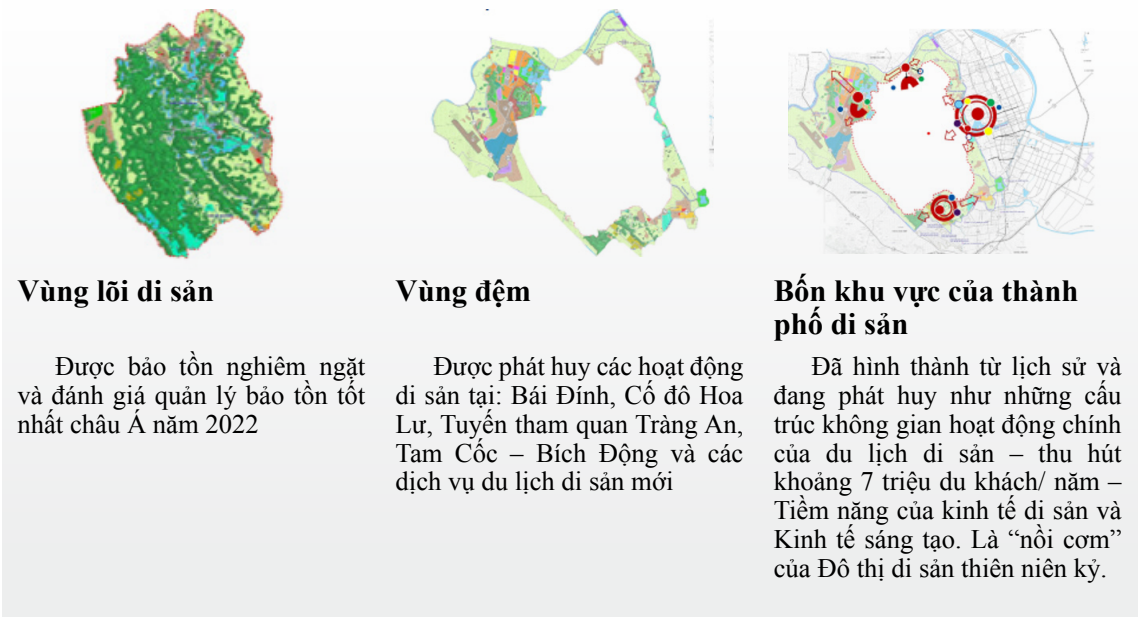


Hình 5: “Địa lý toàn thể” kết nối liên vùng của tỉnh Ninh Bình cũ

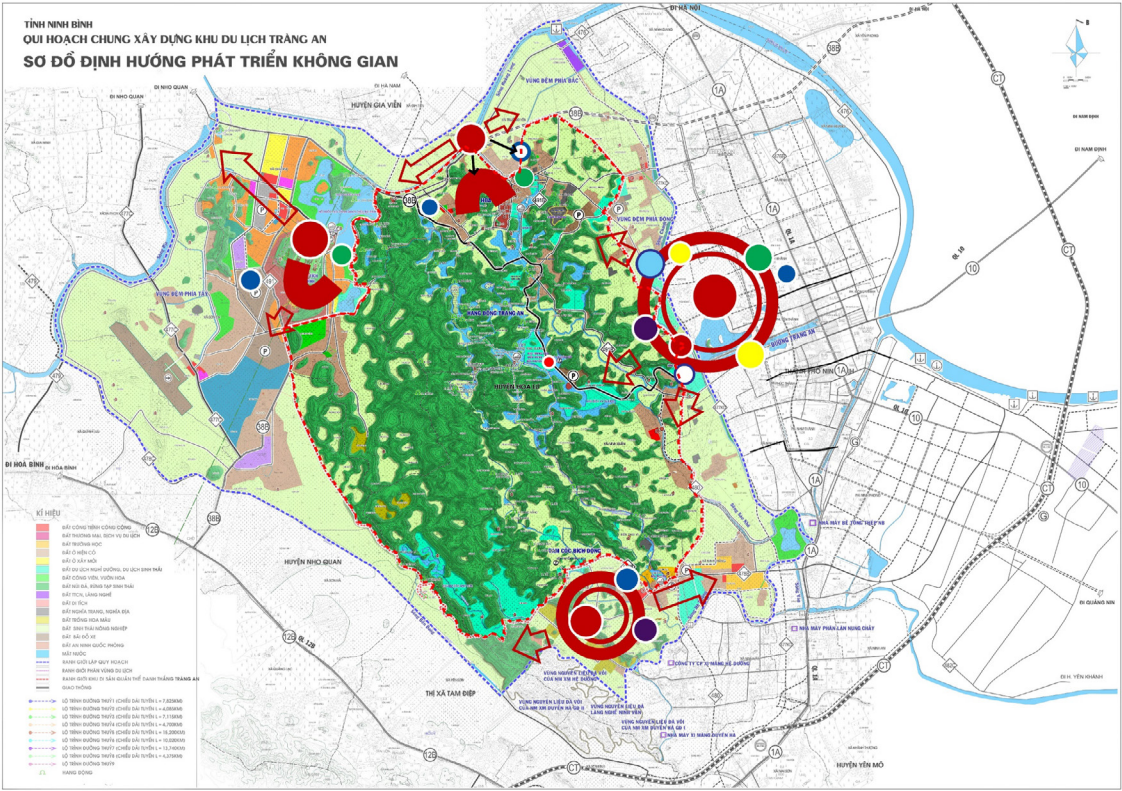


Hình 6: Loại hình du lịch kết nối di sản liên vùng:

1. Track way sông và mặt nước đất thấp
2. Track way từ núi xuống biển
3. Track way di sản liên vùng
4. Cung đường marathon sinh thái quốc tế Tràng An 42 km bao quanh di sản thế giới



Hình 7: Thiết lập bốn khu vực đô thị di sản kết nối thành phố



Trung tâm 1 – Tái hiện cổ đô Hoa Lư & đô thị cổ Hoa Lư

Trung tâm 2 – Trung tâm lịch sử thiên niên kỷ

- Công viên Bảo tàng Khảo cổ học và Trung tâm Tiền sử Đông Nam Á
- Bảo tàng Phật giáo Việt Nam thời dựng nước

Trung tâm 3 – Trung tâm nghệ thuật sáng tạo

- Trung tâm EXPO (hội chợ thương mại quốc tế – mỹ nghệ truyền thống...)
- Trung tâm festival âm nhạc, nghệ thuật trình diễn, lễ hội, nghệ thuật dân gian...)
- Trung tâm triển lãm công nghiệp văn hóa sáng tạo
- Hội chợ và các trung tâm ẩm thực dân gian

Trung tâm 4 – Đại học liên ngành nghệ thuật và kinh tế di sản

- Thiết kế sáng tạo: design đồ họa, thực tại ảo, media, thời trang, thiết kế cho công nghiệp văn hóa sáng tạo
- Lab–startup sản phẩm bản địa

Trung tâm 5 – Trung tâm du lịch di sản

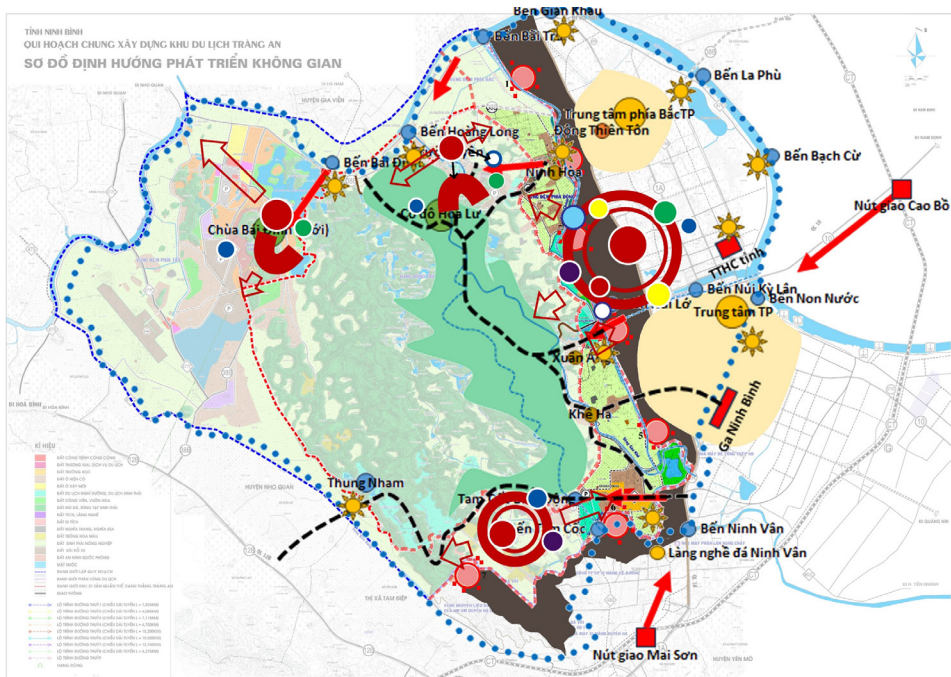
- Trung tâm UNESCO Tràng An – Hoa Lư
- Trung tâm nghiên cứu – diễn giải liên tục về di sản thế giới Tràng An và Ninh Bình
- Trung tâm đào tạo và phát triển nhân lực du lịch
- Trung tâm quảng bá hình ảnh di sản và thu hút đầu tư, du khách
- Trung tâm bảo hộ các hoạt động du lịch và di sản

Trung tâm 6 – Trung tâm hoạt động cộng đồng di sản và sáng tạo

- Hoạt động khởi nghiệp
- Các hiệp hội di sản – du lịch – công nghiệp sáng tạo
- Các hội thảo hội nghị và trao đổi kinh nghiệm
- Trung tâm hỗ trợ sự tham gia

Trung tâm nghiên cứu 7 – Trung tâm công nghệ thực tại ảo

- Công viên phần mềm thực tại ảo
- Các lab sản xuất thử nghiệm
- Triển lãm công nghệ
- Trung tâm đào tạo và chuyển giao
- Hội nghị và EXPO công nghệ
- Xúc tiến đầu tư



Hình 10: Kết nối bốn trấn di sản vào hành lang sáng tạo để trở thành Cấu trúc tổng thể cho Đô thị di sản thiên nhiên kỷ Hoa Lư

4.4. Xây dựng thương hiệu Đô thị di sản thiên nhiên kỷ Hoa Lư

Các nghiên cứu đã khẳng định rằng các thành phố thế kỷ 21 sẽ cạnh tranh dựa trên các giá trị được tạo ra và thể hiện trong các sản phẩm và dịch vụ, di sản đô thị, mong muốn và con người. Điều đó có nghĩa là hầu hết các nhà hoạch định cố gắng xây dựng thương hiệu, quảng bá hình ảnh và xúc tiến thương mại cho đô thị của mình (Costa, 2008; Gelder & Allan, 2006). Mặc dù, hầu hết họ đều cố gắng xây dựng một công trình biểu tượng cho thành phố, nhưng yếu tố văn hóa địa điểm cũng rất quan trọng. Bởi, ấn tượng về điểm đến cần được biểu lộ, ghi nhớ và gia tăng theo mức độ trải nghiệm sống động cho du khách. Hơn nữa, thương hiệu của thành phố sẽ cung cấp và hoàn thiện khái niệm văn hóa đô thị, bên cạnh các công trình biểu tượng, văn hoá, còn cả không gian và địa điểm của sự tích lũy và trải nghiệm đa dạng (Landry, 1998).

Đô thị di sản Hoa Lư như một biểu tượng tương lai, hướng đến chất lượng và tiêu chí thẩm mỹ, góp phần khẳng định vị thế của Di sản văn hoá – thiên nhiên Tràng An – Cố đô Hoa Lư và Thăng Long – Hà Nội trong tiếp nối đương đại. Nơi đây còn là không gian đô thị có sự hiện diện của các thương hiệu quốc tế nổi tiếng trên các lĩnh vực thương mại, dịch vụ, du lịch như Marriott, Pullman, Wyndham, Big C, Outlet...

Hơn nữa, văn hoá và các sản phẩm văn hoá như vậy được coi là ‘tài nguyên’ đáp ứng “nhu cầu tầng cao” (theo tháp nhu cầu của Maslow) của sự phát triển xã hội cao hơn, văn minh sáng tạo và tri thức = tính chất của dạng Thành phố sáng tạo.

Như vậy Đô thị di sản thiên nhiên kỷ bao chứa cả Thành phố di sản thế giới và Thành phố sáng tạo là hướng đi đúng đắn của Đô thị hóa kiểu mới trong các chiến lược phát triển đột phá. Các Chuỗi kinh tế – chức năng

chính đi cùng xây dựng thương hiệu Đô thị di sản thiên niên kỷ Hoa Lư như sau:

Chuỗi giá trị gia tăng cao 1 – Nhóm chức năng Kinh tế di sản.

Chuỗi giá trị gia tăng cao 2 – Nhóm chức năng của Kinh tế sáng tạo và nghệ thuật.

Chuỗi giá trị gia tăng cao 3 – Nhóm chức năng của Kinh tế tri thức.

Chuỗi giá trị gia tăng cao 4 – Nhóm chức năng của Công nghệ và Chuyển đổi số.

4.5. Khuyến nghị về một số ngành nghề mới trong Đô thị di sản thiên niên kỷ

Để phát triển Đô thị di sản thiên niên kỷ, có thể tập trung vào những khu vực và ngành nghề sau đây:

Thứ nhất, xây dựng các trường Đại học, viện nghiên cứu, trung tâm diễn giải di sản và chuyển giao kinh tế tri thức.

Thứ hai, xây dựng hạ tầng chất lượng cao của nền kinh tế Du lịch di sản và sáng tạo:

Thứ ba, công viên khoa học công nghệ/ công nghệ cao và Dịch vụ di sản. Mục đích: (1) hỗ trợ và thúc đẩy *phát triển công nghệ di sản – thực tại ảo cho địa phương vì qui định ngặt nghèo của tính nguyên vẹn của công ước quốc tế về tôn vinh di sản thế giới*, thông qua thúc đẩy R&D công nghệ; (2) thu hút các công ty IT, dựa trên công nghệ; và (3) đẩy nhanh quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế thâm dụng lao động hay vốn sang nền kinh tế thâm dụng tri thức → tạo điều kiện cho kinh tế Ninh Bình đổi mới và phát triển dựa trên di sản và tri thức.

Thứ tư, công viên công nghiệp xanh/Kinh tế tuần hoàn (chế biến nông sản): Mục đích: các doanh nghiệp chế biến thực phẩm và đồ uống... trở thành người dẫn dắt chuỗi cung ứng nông nghiệp chất lượng cao (ra thế giới)

của khu vực Đồng Bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ và miền núi–trung du phía Bắc.

Thứ năm, trung tâm thương mại/outlets: mục đích: trở thành nơi giao thương các sản phẩm phục vụ tiêu dùng và công/nông nghiệp xanh cho Ninh Bình và các đô thị lân cận trong vùng.

Outlet phục vụ bán lẻ: tập trung các sản phẩm thời trang, mỹ phẩm, hàng tiêu dùng nhằm thu hút các nhãn hiệu/thương hiệu/tập đoàn bán lẻ tới đầu tư/tham gia và bán lẻ trực tiếp cho người tiêu dùng. Mô hình này không chỉ thu hút người dân trong đô thị, những đô thị xung quanh mà còn thu hút du khách tới du lịch và mua sắm.

Outlet bán buôn: mô hình triển khai thực hiện theo các nhóm hàng hóa đầu vào phục vụ sản xuất công nghiệp hay đô thị hóa tốc độ cao (các khu chuyên bán buôn hàng nội thất, thiết bị phục vụ xây dựng, hay các khu chuyên phục vụ nguyên, phụ liệu đầu vào phục vụ ngành sản xuất thủ công mỹ nghệ, chế biến sâu, đồ gỗ...).

Thứ sáu, các Hub Trung tâm văn hóa sáng tạo nghệ thuật (nghệ thuật, biểu diễn, hội chợ quốc tế, ẩm thực, lễ hội dân gian, phim trường, thiết kế, thời trang...).

Thứ bảy, kinh tế tri thức (tập trung vào viện–trường đại học nghiên cứu phát triển, giáo dục và tư vấn phát triển, trung tâm tổ chức sự kiện/hội nghị quốc tế,...).

5. KẾT LUẬN

Những vấn đề cốt lõi cho Đô thị di sản thiên niên kỷ được trình bày trong bài viết này đã được tích lũy trong nhiều năm nghiên cứu thực tiễn ở Việt Nam. Chúng ta cần có lộ trình đi từ Tư duy lý luận và thực tiễn, Khung hành động và các chiến lược động lực, Thiết lập hạ tầng phát triển cho kinh tế di sản và kinh tế sáng tạo, Đổi mới Hệ sinh thái phát

triển (Di sản và Sáng tạo – nghệ thuật – trí thức), Thiết lập Cấu trúc không gian tổng thể và chức năng mới và Các chuỗi giá trị gia tăng cao là ‘nồi com’ của đô thị, Các dự án động lực và sự tham gia (Quốc tế, Nhà nước, Nhà đầu tư, Nhà khoa học, Cộng đồng dân cư), cho đến Diễn giải liên tục về phát

triển tiếp nối Di sản thế giới Văn hóa – Thiên nhiên – Định cư thiên niên kỷ vào tương lai. Bởi vậy, những công việc này rất cần thiết để xây dựng nội hàm và không gian, biểu tượng, thương hiệu điểm đến ra toàn cầu về Đô thị Hoa Lư – Đô thị di sản thiên niên kỷ phát triển thịnh vượng và bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bandyopadhyay, R., Morais, D. B., & Chick, G. (2008). Religion and identity in India's heritage tourism. *Annals of Tourism Research*, 35(3), 790–808.
- Buckley, R. (2012). Sustainable tourism: Research and reality. *Annals of Tourism Research*, 39(2), 528–546.
- Butler, R. W. (1999). Sustainable tourism: A state of the art review. *Tourism Geographies*, 1(1), 7–25.
- Blundo, D. S., Ferrari, A. M., Pini, M., Riccardi, M. P., García, J. F., & Fernández del Hoyo, A. P. (2014). The life cycle approach as an innovative methodology for the recovery and restoration of cultural heritage. *Journal of Cultural Heritage Management and Sustainable Development*, 4(2), 133–148.
- Cohen, N. (2001). *Urban conservation*. Cambridge: MIT Press.
- Franklin, A. (2003). *Tourism: An introduction*. Sage Publishing.
- Guimont, D., & Lapointe, D. (2016). Empowering local tourism providers to innovate through a living lab process. *Technology Innovation Management Review*, 6(11), 18–25.
- Jovicic, D. Z. (2014). Key issues in the implementation of sustainable tourism. *Current Issues in Tourism*, 17(4), 297–302.
- Landry, C. (2000). *The creative city: A toolkit for urban innovators*. Oxford: Earthscan Publications.
- Lindberg, K., McCool, S., & Stankey, G. (1997). Rethinking carrying capacity. *Annals of Tourism Research*, 24(2), 461–465.
- Living Labs (2009). *Living labs for user-driven open innovation: An overview of the living labs methodology, activities and achievements*. Directorate-General for the Information Society and Media, European Commission.

- Lowenthal, D. (1998). *The heritage crusade and the spoils of history*. Cambridge: Cambridge University Press.
- Mercer, C. (2006). *Cultural planning for urban development and creative cities*. chrome-extension://efaidnbmnnnibpcajpcglclefindmkaj/https://www.kulturplan-oresund.dk/pdf/Shanghai_cultural_planning_paper.pdf. Truy cập tháng 10/2025.
- Millennium Ecosystem Assessment (2005). *Ecosystems and human well-being: Synthesis*. Washington: Island Press.
- Nguyễn, H. T. (2024). “Lấy “nồi cơm” kinh tế di sản cộng sinh kinh tế sáng tạo”. <https://nguoidothi.net.vn/lay-noi-com-kinh-te-di-san-cong-sinh-kinh-te-sang-tao-43212.html>. Truy cập tháng 5/2025.
- Palmer, C. A. (1998). From theory to practice: Experiencing the nation in everyday life. *Journal of Material Culture*, 3(2), 175–199.
- Real Academia Española (2014). *Diccionario de la lengua española* (23rd ed.).
- RAE.Roders, A. P. (2007). *Re-architecture: Lifespan rehabilitation of built heritage* (Vols. I–III). Eindhoven University of Technology.
- Roders, A. P. (2010). Revealing the World Heritage cities and their varied natures. In *Heritage and Sustainable Development* (pp. 245–253). Greenlines Institute for Sustainable Development.
- Smith, A. D. (1991). *National identity*. Nevada: University of Nevada Press.
- Svensson, E. (2009). Consuming nature – producing heritage: Aspects on conservation, economic growth and community participation in a forested sparsely populated area in Sweden. *International Journal of Heritage Studies*, 15(6), 540–559.
- Svensson, E. (2010). *Kulturarv, natur och utveckling: Problem och möjligheter i skoglig glesbygd*. Riksantikvarieämbetet.
- Tengberg, A., Fredholm, S., Eliasson, I., Knez, I., Saltzman, K., & Wetterberg, O. (2012). Cultural ecosystem services provided by landscapes: Assessment of heritage values and identity. *Ecosystem Services*, 2, 14–26.
- Tukker, A., Charter, M., Vezzoli, C., Stø, E., & Munch Andersen, M. (Eds.). (2008). *Perspectives on radical changes to sustainable consumption and production: System innovation for sustainability I*. Texas: Greenleaf Publishing.
- UNESCO (1972). *Convention concerning the protection of the world cultural and natural heritage*. UNESCO.

UNESCO (1998). In von Droste, B., Rössler, M., & Titchen, S. (Eds.), *Linking nature and culture: Report of the Global Strategy Natural and Cultural Heritage Expert Meeting in Amsterdam*. UNESCO.

UNESCO (2008). *Operational guidelines for the implementation of the World Heritage Convention*. UNESCO.

Van Oers, R. (2006). Preventing the goose with the golden eggs from catching bird flu – UNESCO's efforts in safeguarding the historic urban landscape. In *Cities between integration and disintegration: Opportunities and challenges* (ISoCaRP Review 02). ISoCaRP.

Wright, P. (1985). *On living in an old country: The national past in contemporary Britain*. London: Verso Books.